**Mẫu số 49** **Phụ lục III Nghị định số 163/2025/NĐ-CP**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ  **CỤC QUẢN LÝ**  **Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……….. |  |

**BÁO CÁO XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC**   
*(Từ 01/01/.... đến 31/12/...)*

Kính gửi: Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền – Bộ Y tế

1. Tên và địa chỉ cơ sở xuất khẩu/nhập khẩu:

2. Thông tin về người lập báo cáo:

- Họ và tên:

- Số điện thoại liên hệ:

(Cơ sở xuất khẩu/nhập khẩu) báo cáo về số lượng thuốc/nguyên liệu làm thuốc được xuất khẩu/nhập khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược như sau:

1. Xuất khẩu nguyên liệu làm thuốc:

| **STT** | **Tên nguyên liệu làm thuốc (1)** | **Tên cơ sở sản xuất** | **Tên nước sản xuất** | **Tiêu chuẩn chất lượng** | **Tên cơ sở nhập khẩu** | **Tên nước nhập khẩu** | **Số giấy đăng ký lưu hành/Số giấy phép xuất khẩu, ngày cấp (nếu có)** | **Đơn vị tính** | **Số lượng xuất khẩu** | **Cửa khẩu xuất khẩu** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

2. Xuất khẩu thuốc:

| **STT** | **Tên thuốc, nồng độ hoặc hàm lượng, dạng bào chế** | **Tên hoạt chất (2)** | **Quy cách đóng gói** | **Tên cơ sở sản xuất** | **Tên nước sản xuất** | **Tên cơ sở nhập khẩu** | **Tên nước nhập khẩu** | **Số giấy đăng ký lưu hành/Số giấy phép xuất khẩu, ngày cấp (nếu có)** | **Đơn vị tính** | **Số lượng xuất khẩu** | **Cửa khẩu xuất khẩu** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

3. Nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc: (bổ sung báo cáo đơn giá nhập khẩu)

| **STT** | **Tên nguyên liệu làm thuốc (1)** | **Tên cơ sở sản xuất** | **Tên nước sản xuất** | **Tiêu chuẩn chất lượng** | **Tên cơ sở cung cấp** | **Tên nước xuất khẩu** | **Số giấy đăng ký lưu hành/Số giấy phép nhập khẩu, ngày cấp** | **Đơn vị tính** | **Số lượng nhập khẩu** | **Cửa khẩu nhập khẩu** | **Đơn giá nhập khẩu (vnđ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

4. Nhập khẩu thuốc:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thuốc, nồng độ hoặc hàm lượng, dạng bào chế** | **Tên hoạt chất (2)** | **Quy cách đóng gói** | **Tên cơ sở sản xuất** | **Tên nước sản xuất** | **Tên cơ sở cung cấp** | **Tên nước xuất khẩu** | **Số giấy đăng ký lưu hành/Số giấy phép nhập khẩu, ngày cấp** | **Đơn vị tính** | **Số lượng nhập khẩu** | **Cửa khẩu nhập khẩu** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở đặt trụ sở chính; - Lưu tại cơ sở. | **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** | *......, ngày... tháng... năm......* **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/  NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Đối với dược liệu ghi tên dược liệu (tên tiếng Việt kèm tên khoa học). Trường hợp không có tên tiếng Việt thì ghi theo tên của nước xuất khẩu kèm tên khoa học. Đối với bán thành phẩm dược liệu, ghi thêm dạng bào chế.

(2) Đối với thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền: Ghi tên dược liệu (tên tiếng Việt kèm tên khoa học). Trường hợp không có tên tiếng Việt thì ghi theo tên của nước xuất khẩu kèm tên khoa học. Đối với bán thành phẩm dược liệu, ghi thêm dạng bào chế.